

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2026_2027 Đợt 1 (Điều chỉnh)
CÁC LỚP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY K19

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Ghi chú
1	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.11_LT	57	24/08/26-04/10/26 - Thứ 4(T1-5); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 4(T1-5);	Bùi Thị Huyền	D1-P103	
2	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.11_LT.1_TH	28	21/09/26-04/10/26 - Thứ 3(T1-2); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 3(T1-2);	Bùi Thị Huyền	D1-P303	
3	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.11_LT.2_TH	29	21/09/26-04/10/26 - Thứ 3(T3-4); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 3(T3-4);	Bùi Thị Huyền	D1-P306	
4	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.10_LT	59	24/08/26-04/10/26 - Thứ 3(T1-5); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 3(T1-5);	Đồng Thị An Sinh	D1-P104	
5	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.6_LT.1_TH	24	21/09/26-04/10/26 - Thứ 5(T4-5); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 5(T4-5);	Đồng Thị An Sinh	D1-P102	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Ghi chú
6	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.10_LT.1_TH	30	21/09/26-04/10/26 - Thứ 4(T6-7); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 4(T6-7);	Đồng Thị An Sinh	D1-P102	
7	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.10_LT.2_TH	29	21/09/26-04/10/26 - Thứ 4(T8-9); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 4(T8-9);	Đồng Thị An Sinh	D1-P102	
8	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.1_LT	46	24/08/26-04/10/26 - Thứ 4(T1-5); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 4(T1-5);	Mai Thị Huyền	D1-P101	
9	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.2_LT	45	24/08/26-04/10/26 - Thứ 6(T1-5); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 6(T1-5);	Mai Thị Huyền	D1-P101	
10	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.3_LT	46	24/08/26-04/10/26 - Thứ 5(T1-5); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 5(T1-5);	Mai Thị Huyền	D1-P101	
11	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.1_LT.1_TH	23	21/09/26-04/10/26 - Thứ 5(T6-7); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 5(T6-7);	Mai Thị Huyền	D1-P101	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Ghi chú
12	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.1_LT.2_TH	23	21/09/26-04/10/26 - Thứ 5(T8-9); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 5(T8-9);	Mai Thị Huyền	D1-P101	
13	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.2_LT.1_TH	23	21/09/26-04/10/26 - Thứ 2(T6-7); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 2(T6-7);	Mai Thị Huyền	D1-P101	
14	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.2_LT.2_TH	22	21/09/26-04/10/26 - Thứ 2(T8-9); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 2(T8-9);	Mai Thị Huyền	D1-P101	
15	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.8_LT	47	24/08/26-04/10/26 - Thứ 3(T6-10); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 3(T6-10);	Ngô Hải Yến	D1-P106	
16	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.9_LT	58	24/08/26-04/10/26 - Thứ 4(T6-10); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 4(T6-10);	Ngô Hải Yến	D1-P106	
17	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.3_LT.1_TH	23	21/09/26-04/10/26 - Thứ 5(T6-7); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 5(T6-7);	Ngô Hải Yến	D1-P102	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Ghi chú
18	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.8_LT.1_TH	24	21/09/26-04/10/26 - Thứ 3(T1-2); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 3(T1-2);	Ngô Hải Yến	D1-P101	
19	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.8_LT.2_TH	23	21/09/26-04/10/26 - Thứ 3(T3-4); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 3(T3-4);	Ngô Hải Yến	D1-P101	
20	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.9_LT.1_TH	29	21/09/26-04/10/26 - Thứ 2(T2-3); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 2(T2-3);	Ngô Hải Yến	D1-P103	
21	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.9_LT.2_TH	29	21/09/26-04/10/26 - Thứ 2(T4-5); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 2(T4-5);	Ngô Hải Yến	D1-P103	
22	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.4_LT	46	24/08/26-04/10/26 - Thứ 5(T1-5); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 5(T1-5);	Vũ Thị Thái	D1-P106	
23	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.5_LT	47	24/08/26-04/10/26 - Thứ 3(T1-5); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 3(T1-5);	Vũ Thị Thái	D1-P106	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Ghi chú
24	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.3_LT.2_TH	22	21/09/26-04/10/26 - Thứ 4(T4-5); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 4(T4-5);	Vũ Thị Thái	D1-P102	
25	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.4_LT.1_TH	23	21/09/26-04/10/26 - Thứ 2(T6-7); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 2(T6-7);	Vũ Thị Thái	D1-P102	
26	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.4_LT.2_TH	23	21/09/26-04/10/26 - Thứ 2(T8-9); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 2(T8-9);	Vũ Thị Thái	D1-P102	
27	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.5_LT.1_TH	24	21/09/26-04/10/26 - Thứ 6(T6-7); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 6(T6-7);	Vũ Thị Thái	D1-P102	
28	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.5_LT.2_TH	24	21/09/26-04/10/26 - Thứ 6(T8-9); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 6(T8-9);	Vũ Thị Thái	D1-P102	
29	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.6_LT	47	24/08/26-04/10/26 - Thứ 4(T1-5); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 4(T1-5);	Vũ Thị Thanh Huyền	D1-P106	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Ghi chú
30	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.7_LT	47	24/08/26-04/10/26 - Thứ 6(T1-5); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 6(T1-5);	Vũ Thị Thanh Huyền	D1-P106	
31	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.6_LT.2_TH	23	21/09/26-04/10/26 - Thứ 3(T8-9); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 3(T8-9);	Vũ Thị Thanh Huyền	D1-P102	
32	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.7_LT.1_TH	24	21/09/26-04/10/26 - Thứ 3(T1-2); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 3(T1-2);	Vũ Thị Thanh Huyền	D1-P102	
33	02TANH101	Tiếng anh cơ bản 1	4,0	02TANH101_K19.7_LT.2_TH	23	21/09/26-04/10/26 - Thứ 3(T3-4); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 3(T3-4);	Vũ Thị Thanh Huyền	D1-P102	
34	02TIENGVIET101	Tiếng việt nâng cao 1	4,0	02TIENGVIET101_K19.1_LT	20	31/08/26-04/10/26 - Thứ 5(T1-4); 09/11/26-13/12/26 - Thứ 6(T8-9); Thứ 5(T1-4); 31/08/26- 04/10/26 - Thứ 6(T8-9);	Vũ Thị Thanh Huyền	D1-P307	
35	02TOAN101	Toán cao cấp 1	3,0	02TOAN101_K19.10_LT	47	24/08/26-04/10/26 - Thứ 2(T2-5); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 2(T2-5);	Bùi Thị Hồng Vân	D1-P105	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Ghi chú
36	02TOAN101	Toán cao cấp 1	3,0	02TOAN101_K19.11_LT	48	24/08/26-04/10/26 - Thứ 3(T6-9); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 3(T6-9);	Bùi Thị Hồng Vân	D1-P105	
37	02TOAN101	Toán cao cấp 1	3,0	02TOAN101_K19.7_LT	47	24/08/26-04/10/26 - Thứ 5(T6-9); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 5(T6-9);	Hoàng Thị Trang	D1-P104	
38	02TOAN101	Toán cao cấp 1	3,0	02TOAN101_K19.2_LT	47	24/08/26-04/10/26 - Thứ 3(T1-4); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 3(T1-4);	Nguyễn Thanh Huyền	D1-P402	
39	02TOAN101	Toán cao cấp 1	3,0	02TOAN101_K19.6_LT	48	24/08/26-04/10/26 - Thứ 6(T1-4); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 6(T1-4);	Nguyễn Thị Thu Hương	D1-P104	
40	02TOAN101	Toán cao cấp 1	3,0	02TOAN101_K19.12_LT	47	24/08/26-04/10/26 - Thứ 3(T6-9); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 3(T6-9);	Nguyễn Thu Hiền	D1-P103	
41	02TOAN101	Toán cao cấp 1	3,0	02TOAN101_K19.1_LT	45	24/08/26-04/10/26 - Thứ 5(T1-4); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 5(T1-4);	Phạm Ngọc Hải	D1-P105	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Ghi chú
42	02TOAN101	Toán cao cấp 1	3,0	02TOAN101_K19.4_LT	48	24/08/26-04/10/26 - Thứ 6(T1-4); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 6(T1-4);	Phạm Ngọc Hải	D1-P102	
43	02TOAN101	Toán cao cấp 1	3,0	02TOAN101_K19.3_LT	48	24/08/26-04/10/26 - Thứ 4(T6-9); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 4(T6-9);	Trần Thanh Tuyền	D1-P101	
44	02TOAN101	Toán cao cấp 1	3,0	02TOAN101_K19.5_LT	48	24/08/26-04/10/26 - Thứ 2(T2-5); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 2(T2-5);	Trần Thị Thùy Dung	D1-P104	
45	02TOAN101	Toán cao cấp 1	3,0	02TOAN101_K19.8_LT	46	24/08/26-04/10/26 - Thứ 5(T1-4); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 5(T1-4);	Trần Thị Thùy Dung	D1-P305	
46	02TOAN101	Toán cao cấp 1	3,0	02TOAN101_K19.9_LT	48	24/08/26-04/10/26 - Thứ 6(T1-4); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 6(T1-4);	Vũ Thị Thùy Dương	D1-P402	
47	02CHINHTRI302	Triết học Mác - Lênin	3,0	02CHINHTRI302_K19.5_LT	50	24/08/26-04/10/26 - Thứ 3(T6-9); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 3(T6-9);	Nguyễn Thị Hải Ninh	Online	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Ghi chú
48	02CHINHTRI302	Triết học Mác - Lênin	3,0	02CHINHTRI302_K19.6_LT	52	24/08/26-04/10/26 - Thứ 5(T6-9); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 5(T6-9);	Nguyễn Thị Hải Ninh	Online	
49	02CHINHTRI302	Triết học Mác - Lênin	3,0	02CHINHTRI302_K19.1_LT	50	24/08/26-04/10/26 - Thứ 6(T1-4); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 6(T1-4);	Nguyễn Thị Thu Hằng	Online	
50	02CHINHTRI302	Triết học Mác - Lênin	3,0	02CHINHTRI302_K19.7_LT	47	24/08/26-04/10/26 - Thứ 6(T6-9); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 6(T6-9);	Nguyễn Thị Thu Hằng	Online	
51	02CHINHTRI302	Triết học Mác - Lênin	3,0	02CHINHTRI302_K19.8_LT	50	24/08/26-04/10/26 - Thứ 4(T1-4); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 4(T1-4);	Nguyễn Thị Thu Hằng	Online	
52	02CHINHTRI302	Triết học Mác - Lênin	3,0	02CHINHTRI302_K19.11_LT	57	24/08/26-04/10/26 - Thứ 4(T6-9); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 4(T6-9);	Nguyễn Thị Thu Hằng	Online	
53	02CHINHTRI302	Triết học Mác - Lênin	3,0	02CHINHTRI302_K19.9_LT	58	24/08/26-04/10/26 - Thứ 5(T6-9); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 5(T6-9);	Trần Thị Hoàn	Online	



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Ghi chú
54	02CHINHTRI302	Triết học Mác - Lênin	3,0	02CHINHTRI302_K19.2_LT	48	24/08/26-04/10/26 - Thứ 4(T6-9); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 4(T6-9);	Vũ Ngọc Hà	Online	
55	02CHINHTRI302	Triết học Mác - Lênin	3,0	02CHINHTRI302_K19.3_LT	46	24/08/26-04/10/26 - Thứ 6(T6-9); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 6(T6-9);	Vũ Ngọc Hà	Online	
56	02CHINHTRI302	Triết học Mác - Lênin	3,0	02CHINHTRI302_K19.4_LT	51	24/08/26-04/10/26 - Thứ 5(T6-9); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 5(T6-9);	Vũ Ngọc Hà	Online	
57	02CHINHTRI302	Triết học Mác - Lênin	3,0	02CHINHTRI302_K19.10_LT	59	24/08/26-04/10/26 - Thứ 5(T2-5); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 5(T2-5);	Vũ Ngọc Hà	Online	
58	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.1_LT	47	24/08/26-04/10/26 - Thứ 2(T2-5); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 2(T2-5);	Lê Thị Thanh Hoa	D1-P106	
59	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.2_LT	44	24/08/26-04/10/26 - Thứ 5(T1-4); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 5(T1-4);	Lê Thị Thanh Hoa	D1-P103	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Ghi chú
60	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.1_LT.1_TH	24	24/08/26-04/10/26 - Thứ 4(T6-8); 23/11/26-20/12/26 - Thứ 4(T6-8);	Lê Thị Thanh Hoa	D2-P110	
61	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.1_LT.2_TH	23	24/08/26-04/10/26 - Thứ 4(T9-11); 23/11/26-20/12/26 - Thứ 4(T9-11);	Lê Thị Thanh Hoa	D2-P110	
62	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.2_LT.1_TH	22	24/08/26-04/10/26 - Thứ 5(T6-8); 23/11/26-20/12/26 - Thứ 5(T6-8);	Lê Thị Thanh Hoa	D2-P110	
63	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.2_LT.2_TH	22	24/08/26-04/10/26 - Thứ 5(T9-11); 23/11/26-20/12/26 - Chủ nhật(T9-11);	Lê Thị Thanh Hoa	D2-P110	
64	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.4_LT.2_TH	22	24/08/26-04/10/26 - Thứ 3(T1-3); 23/11/26-20/12/26 - Thứ 3(T1-3);	Lê Thị Thanh Hoa	D2-P110	
65	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.5_LT.1_TH	23	24/08/26-04/10/26 - Thứ 4(T1-3); 23/11/26-20/12/26 - Thứ 4(T1-3);	Lê Thị Thanh Hoa	D2-P110	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Ghi chú
66	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.5_LT.2_TH	22	24/08/26-04/10/26 - Thứ 6(T1-3); 23/11/26-20/12/26 - Thứ 6(T1-3);	Lê Thị Thanh Hoa	D2-P110	
67	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.6_LT	45	24/08/26-04/10/26 - Thứ 3(T1-4); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 3(T1-4);	Nguyễn Thị Thanh Hà	D1-P105	
68	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.7_LT	45	24/08/26-04/10/26 - Thứ 4(T1-4); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 4(T1-4);	Nguyễn Thị Thanh Hà	D1-P105	
69	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.8_LT	44	24/08/26-04/10/26 - Thứ 6(T1-4); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 6(T1-4);	Nguyễn Thị Thanh Hà	D1-P105	
70	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.6_LT.1_TH	23	24/08/26-04/10/26 - Thứ 2(T6-8); 23/11/26-20/12/26 - Thứ 2(T6-8);	Nguyễn Thị Thanh Hà	D2-P110	
71	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.6_LT.2_TH	22	24/08/26-04/10/26 - Thứ 2(T9-11); 23/11/26-20/12/26 - Thứ 2(T9-11);	Nguyễn Thị Thanh Hà	D2-P110	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Ghi chú
72	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.7_LT.1_TH	23	24/08/26-04/10/26 - Thứ 5(T1-3); 23/11/26-20/12/26 - Thứ 5(T1-3);	Nguyễn Thị Thanh Hà	D2-P110	
73	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.7_LT.2_TH	22	24/08/26-15/11/26 - Thứ 2(T2-4); 23/11/26-20/12/26 - Thứ 2(T2-4);	Nguyễn Thị Thanh Hà	D2-P110	
74	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.8_LT.1_TH	23	24/08/26-04/10/26 - Thứ 6(T6-8); 23/11/26-20/12/26 - Thứ 6(T6-8);	Nguyễn Thị Thanh Hà	D2-P110	
75	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.8_LT.2_TH	21	24/08/26-04/10/26 - Thứ 6(T9-11); 23/11/26-20/12/26 - Thứ 6(T9-11);	Nguyễn Thị Thanh Hà	D2-P110	
76	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.3_LT	44	24/08/26-04/10/26 - Thứ 6(T1-4); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 6(T1-4);	Nguyễn Thị Thanh Hoa	D1-P103	
77	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.4_LT	44	24/08/26-04/10/26 - Thứ 4(T1-4); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 4(T1-4);	Nguyễn Thị Thanh Hoa	D1-P104	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tên lớp tín chỉ	Sĩ số	Thời gian	Giảng viên	Phòng học	Ghi chú
78	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.5_LT	45	24/08/26-04/10/26 - Thứ 5(T1-4); 09/11/26-20/12/26 - Thứ 5(T1-4);	Nguyễn Thị Thanh Hoa	D1-P104	
79	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.3_LT.1_TH	23	24/08/26-04/10/26 - Thứ 3(T6-8); 23/11/26-20/12/26 - Thứ 3(T6-8);	Nguyễn Thị Thanh Hoa	D2-P110	
80	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.3_LT.2_TH	21	24/08/26-04/10/26 - Thứ 3(T9-11); 23/11/26-20/12/26 - Thứ 3(T9-11);	Nguyễn Thị Thanh Hoa	D2-P110	
81	02VATLY101	Vật lý đại cương	4,0	02VATLY101_K19.4_LT.1_TH	22	24/08/26-04/10/26 - Thứ 7(T1-3); 23/11/26-20/12/26 - Thứ 7(T1-3);	Nguyễn Thị Thanh Hoa	D2-P110	

Nơi nhận:

- Giám hiệu 03;
- Các đơn vị trong toàn trường;
- Giảng đường;
- Lưu VT, ĐT (03).



Hiệu trưởng

TS. Hoàng Hùng Thắng

Trưởng Phòng Đào tạo

TS. Nguyễn Văn Thản

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Người lập

Bùi Duy Khuông